TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/02/2023.
V/v ly hôn giữa chị D và anh E.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân.

2. Bà Phạm Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình E - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2023/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị D, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHKTT: Thôn D, xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở: Thôn E, xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng E, sinh năm 1972.

Nơi ĐKHKTT: Thôn R, xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở: Thôn S, xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- ***Người đại diện theo pháp luật cho anh E:*** Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn S, xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Chị D có mặt, anh E, chị G có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2022, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình và lời khai tại phiên toà nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày.*** Chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng E là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 27 tháng 7 năm 2015. Sau khi kết hôn được khoảng ba tháng thì chị mang thai và cũng là lúc anh E bị tai nạn. Một

mình chị phải lo toan gia đình và chăm sóc anh E mấy tháng liền ở bệnh viện Hà Nội, kinh tế kiệt quệ thì cũng đến thời điểm chị sinh con. Từ đó mâu thuẫn bắt đầu phát sinh và sức khoẻ của anh E cũng ngày một phục hồi nhưng không còn khả năng lao động được nữa. Đến tháng 6 năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và chị đã bế con về bên nhà ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị D xác định tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh E. Về con chung: Chị và anh E có một con chung là Nguyễn Thuỳ G, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi con, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị tiếp tục nuôi con. Anh E không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản: Chị và anh E tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 21/12/2022, bị đơn anh Nguyễn Trọng E trình bày.*** Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được khoảng ba tháng thì anh bị tai nạn dẫn đến anh không còn khả năng lao động, kinh tế gia đình khó khăn và cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh và chị D sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2016 đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh và chị D có một con chung là Nguyễn Thuỳ G, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2016. Hiện nay con đang ở cùng chị D, ly hôn anh nhường con chung cho chị D nuôi dưỡng và anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị D. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh là người khuyết tật nhưng anh không đề nghị mời trợ giúp viên pháp lý và anh đề nghị Toà án đưa chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1969 là chị gái của anh làm người đại diện theo pháp luật cho anh trong vụ án.

Vì sức khoẻ yếu và đi lại khó khăn nên anh không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các lần triệu tập và phiên tòa xét xử vụ án.

**** Tại đơn đề nghị ngày 19/12/2022, chị Nguyễn Thị G là người đại diện theo pháp luật cho anh Nguyễn Trọng E trình bày.***

Gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Toà án nhưng do em trai chị là Nguyễn Trọng E là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp của nhà nước, đi lại khó khăn nên không lên toà án làm việc được. Hiện anh E đang ở cùng gia đình chị và được chị chăm sóc. Chị đề nghị Toà án về gia đình làm việc với anh E về việc chị D xin ly hôn. Chị đề nghị Toà án xem xét cho chị làm người đại diện theo pháp luật cho anh E tham gia tố tụng.

Vì công việc bận nên chị không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại các lần triệu tập và phiên tòa xét xử vụ án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên.*** Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị D được ly hôn anh Nguyễn Trọng E; về nuôi con chung: Chị D và anh E có một con chung là Nguyễn Thuỳ G, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2016. Giao cháu G cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh E không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D; về tài sản: Chị D, anh E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Trọng E, nơi cư trú xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là " ly hôn, nuôi con chung". Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Anh E, chị G có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh E, chị G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị D kết hôn với anh E là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/7/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 3 tháng thì chị mang thai và anh E bị tai nạn dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Đến tháng 6 năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và chị đã bế con về bên nhà ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị D và anh E đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh E đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa chị D và anh E là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị D và anh E có một con chung là Nguyễn Thuỳ G, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2016. Chị D xin được nuôi con và anh E cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị D. Chị D không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Đây là sự thoả thuận của các đương sự nên chấp nhận việc giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh E không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

[4] *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị D, anh E không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị D và anh Nguyễn Trọng E.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị D trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thuỳ G, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2016. Anh E không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị D, anh E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005952 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. (Chị D đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị D có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh E, chị G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Đô;
- Lưu: HS-HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quốc Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quốc Khánh